

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch,
lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 8957/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 138/BC-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1. Cơ quan thu lệ phí

a) Lệ phí hộ tịch: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

b) Lệ phí đăng ký cư trú: Cơ quan Công an thực hiện việc đăng ký quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Đối tượng nộp lệ phí

a) Lệ phí hộ tịch: Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

b) Lệ phí đăng ký cư trú: Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

3. Các trường hợp miễn thu

a) Miễn thu lệ phí hộ tịch đối với các trường hợp sau:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật;

- Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Miễn thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp sau:

- Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Công dân dưới 16 tuổi;

- Công dân dưới 18 tuổi mồ côi cả cha, lẫn mẹ, không nơi nương tựa;

- Công dân từ đủ 60 tuổi trở lên;

- Hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo;

- Người khuyết tật;

- Đồng bào dân tộc thiểu số ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

4. Mức thu lệ phí

a) Đối với thực hiện giao dịch trực tiếp, mức thu như sau:

- Mức thu lệ phí hộ tịch theo Phụ lục I;

- Mức thu lệ phí đăng ký cư trú theo Phụ lục II.

b) Đối với thực hiện giao dịch trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, mức thu bằng 50% mức thu giao dịch trực tiếp.

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí

a) Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số thu vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hoà khoá VII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, TN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Mạnh Dũng



PHỤ LỤC I
MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /2021/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Mức thu |
|----------|--|-------------|-----------|
| 1 | Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã | | |
| a) | Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân) | đồng | 7.000 |
| b) | Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử) | đồng | 7.000 |
| c) | Kết hôn (đăng ký lại kết hôn) | đồng | 25.000 |
| d) | Nhận cha, mẹ, con | đồng | 12.000 |
| đ) | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước | đồng | 12.000 |
| e) | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | đồng | 12.000 |
| g) | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác | đồng | 7.000 |
| h) | Đăng ký hộ tịch khác | đồng | 7.000 |
| 2 | Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện | | |
| a) | Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân) | đồng | 60.000 |
| b) | Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử) | đồng | 60.000 |
| c) | Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn) | đồng | 1.200.000 |
| d) | Giám hộ, chấm dứt giám hộ | đồng | 60.000 |
| đ) | Nhận cha, mẹ, con | đồng | 1.200.000 |
| e) | Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài | đồng | 25.000 |
| g) | Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | đồng | 60.000 |
| h) | Đăng ký hộ tịch khác | đồng | 60.000 |

PHỤ LỤC II
MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA
(Kèm theo Nghị quyết số 12 /2021/NQ-HĐND
ngày 19 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Mức thu | |
|-----|--|-------------|---|----------------------|
| | | | Tại các phường của thành phố thuộc tỉnh | Tại các khu vực khác |
| 1 | Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú. | đồng/lần | 20.000 | 10.000 |
| 2 | Gia hạn tạm trú | đồng/lần | 8.000 | 4.000 |

H/